UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /QĐ-SYT

Sóc Trăng, ngày 04 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP, ngày 11/10/2021 của Chính phủ Ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19";

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế Ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP, ngày 11/10/2021 của Chính phủ Ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19";

Căn cứ Quyết định số 2750/QĐ-UBND, ngày 16/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Ban hành Quy định tạm thời các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" theo từng cấp độ dịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc Ủy quyền cho Sở Y tế Quyết định công bố phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y và ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại cấp độ dịch COVID-19 để áp dụng các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Đối với cấp xã:

- Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh): 34 đơn vị;
- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 55 đơn vị;
- Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 20 đơn vị.

2. Đối với cấp huyện, thị xã, thành phố:

- Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh): 03 đơn vị.
- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 06 đơn vị.
- Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 02 đơn vị.

3. Đối với cấp tỉnh: Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Thời gian áp dụng từ **00 giờ, ngày 05 tháng 01 năm 2022.** Riêng đối với các đơn vị nếu chuyển từ cấp độ dịch thấp sang cấp độ dịch cao hơn thì thời gian áp dụng sau 48 giờ so với thời gian quy định tại Điều này.

Điều 3. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng căn cứ phân loại cấp độ dịch COVID-19 tại Quyết định này để áp dụng các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 2750/QĐ-UBND, ngày 16/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 1186/QĐ-SYT ngày 27/12/2021 của Sở Y tế về việc công bố phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh;
- TTCH PCD COVID-19 tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP; NVY.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH SÓC TRĂNG

Sở Y tế
soyt@soctrang.gov.vn
Tỉnh Sóc Trăng

BSCKII. Trần Văn Khải

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH SÓC TRĂNG
Sở Y tế
soyt@soctrang.gov.vn
Tỉnh Sóc Trăng

PHỤ LỤC

PHÂN LOẠI CẤP ĐỘ DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 02 /QĐ-SYT, ngày 04 /01/2022 của Sở Y tế)

Stt	Đơn vị	Ca mắc CĐ/2 tuần	Số ca mắc CĐ/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
I	**HUYỆN CHÂU THÀNH**	**185**	**99**		**X**	
1	Xã An Hiệp	22	65		**X**	
2	Thị trấn Châu Thành	23	130		**X**	
3	Xã Phú Tân	9	32	**X**		
4	Xã An Ninh	32	119		**X**	
5	Xã Hồ Đắc Kiện	31	125		**X**	
6	Xã Phú Tâm	34	121		**X**	
7	Xã Thiện Mỹ	17	141		**X**	
8	Xã Thuận Hòa	17	114		**X**	
II	**HUYỆN CÙ LAO DUNG**	**115**	**98**		**X**	
9	Xã An Thạnh 1	17	112		**X**	
10	Thị trấn Cù Lao Dung	9	77		**X**	
11	Xã Đại Ân 1	22	135		**X**	
12	Xã An Thạnh 2	13	89		**X**	
13	Xã An Thạnh Nam	11	87		**X**	
14	Xã An Thạnh 3	17	84		**X**	
15	Xã An Thạnh Đông	17	106		**X**	
16	Xã An Thạnh Tây	9	85		**X**	
III	**HUYỆN KẾ SÁCH**	**431**	**144**		**X**	
17	Xã Xuân Hòa	13	32	**X**		
18	Thị trấn An Lạc Thôn	86	403			**X**
19	Xã Trinh Phú	61	267			**X**
20	Thị trấn Kế Sách	17	65		**X**	
21	Xã Thới An Hội	14	50		**X**	
22	Xã An Lạc Tây	77	420			**X**
23	Xã An Mỹ	16	72		**X**	
24	Xã Ba Trinh	25	104		**X**	
25	Xã Đại Hải	40	117		**X**	
26	Xã Kế An	51	365			**X**
27	Xã Kế Thành	15	91		**X**	

Stt	Đơn vị	Ca mắc CĐ/2 tuần	Số ca mắc CĐ/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
28	Xã Nhơn Mỹ	13	61		X	
29	Xã Phong Nẫm	3	29	X		
IV	**HUYỆN LONG PHÚ**	**128**	**68**		**X**	
30	Xã Tân Thạnh	6	37	X		
31	Xã Long Đức	13	80		X	
32	Xã Tân Hưng	17	87		X	
33	Xã Long Phú	25	101		X	
34	Xã Trường Khánh	25	98		X	
35	Xã Hậu Thạnh	2	23	X		
36	Xã Châu Khánh	3	28	X		
37	Thị trấn Đại Ngãi	3	18	X		
38	Thị trấn Long Phú	29	110		X	
39	Xã Phú Hữu	2	19	X		
40	Xã Song Phụng	3	23	X		
V	**HUYỆN MỸ TÚ**	**271**	**149**		**X**	
41	Xã Thuận Hưng	58	239			X
42	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	21	148		X	
43	Xã Mỹ Thuận	14	86		X	
44	Xã Mỹ Phước	33	123		X	
45	Xã Long Hưng	15	74		X	
46	Xã Hưng Phú	2	11	X		
47	Xã Mỹ Hương	22	123		X	
48	Xã Mỹ Tú	9	50	X		
49	Xã Phú Mỹ	97	388			X
VI	**HUYỆN MỸ XUYÊN**	**109**	**36**	**X**		
50	Xã Thạnh Quới	16	34	X		
51	Xã Đại Tâm	15	42	X		
52	Xã Tham Đôn	14	43	X		
53	Xã Thạnh Phú	23	56		X	
54	Xã Gia Hòa 2	4	28	X		
55	Thị trấn Mỹ Xuyên	21	51		X	
56	Xã Hòa Tú 2	5	25	X		
57	Xã Ngọc Đông	3	15	X		
58	Xã Ngọc Tố	0	0	X		

Stt	Đơn vị	Ca mắc CĐ/2 tuần	Số ca mắc CĐ/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
59	Xã Gia Hòa 1	4	27	X		
60	Xã Hòa Tú 1	4	25	X		
VII	**HUYỆN THẠNH TRỊ**	**234**	**158**			**X**
61	Thị trấn Phú Lộc	40	132		X	
62	Xã Tuân Tức	14	107		X	
63	Thị trấn Hưng Lợi	28	145		X	
64	Xã Thạnh Trị	36	218			X
65	Xã Lâm Tân	12	97		X	
66	Xã Thạnh Tân	31	188			X
67	Xã Vĩnh Lợi	4	41	X		
68	Xã Châu Hưng	18	175			X
69	Xã Lâm Kiết	45	435			X
70	Xã Vĩnh Thành	6	65		X	
VIII	**HUYỆN TRẦN ĐỀ**	**408**	**181**			**X**
71	Thị trấn Lịch Hội Thượng	131	512			X
72	Xã Tài Văn	53	209			X
73	Thị trấn Trần Đề	9	33	X		
74	Xã Thạnh Thới Thuận	1	6	X		
75	Xã Liêu Tú	57	255			X
76	Xã Thạnh Thới An	45	226			X
77	Xã Đại Ân 2	34	189			X
78	Xã Lịch Hội Thượng	23	167			X
79	Xã Trung Bình	13	51		X	
80	Xã Viên An	2	12	X		
81	Xã Viên Bình	40	271			X
IX	**THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**	**133**	**48**	**X**		
82	Phường 1	8	65		X	
83	Phường 2	20	37	X		
84	Phường 3	25	49	X		
85	Phường 4	15	56		X	
86	Phường 5	17	52		X	
87	Phường 6	11	44	X		
88	Phường 7	11	55		X	
89	Phường 8	14	55		X	

Stt	Đơn vị	Ca mắc CĐ/2 tuần	Số ca mắc CĐ/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
90	Phường 9	8	43	X		
91	Phường 10	4	35	X		
X	**THỊ XÃ NGÃ NĂM**	**74**	**50**	**X**		
92	Phường 1	18	58		X	
93	Phường 2	2	7	X		
94	Phường 3	3	20	X		
95	Xã Mỹ Quới	21	148		X	
96	Xã Vĩnh Quới	4	21	X		
97	Xã Tân Long	9	60		X	
98	Xã Long Bình	6	49	X		
99	Xã Mỹ Bình	11	84		X	
XI	**THỊ XÃ VĨNH CHÂU**	**435**	**131**		**X**	
100	Xã Vĩnh Hải	19	46	X		
101	Xã Lạc Hòa	62	204			X
102	Phường 1	79	230			X
103	Phường 2	51	111		X	
104	Xã Hòa Đông	33	156			X
105	Phường Khánh Hòa	19	86		X	
106	Xã Vĩnh Hiệp	21	142		X	
107	Xã Lai Hòa	48	110		X	
108	Phường Vĩnh Phước	70	143		X	
109	Xã Vĩnh Tân	33	109		X	
TOÀN TỈNH		**2523**	**105**		**X**	
Tổng cộng	**Cấp xã**			**34**	**55**	**20**
	Cấp huyện			**3**	**6**	**2**
	Cấp tỉnh				**1**	